

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT HỢP NHẤT

QUÝ 3 NĂM 2009 (Báo cáo chưa được kiểm toán)

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội Dung	Số dư 30.09.09	Số dư 30.06.09
I	Tài sản ngắn hạn	317,941,347,872	287,742,773,987
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	7,625,276,284	10,580,086,571
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	14,448,106,587	12,292,627,750
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	256,059,870,690	215,994,607,184
4	Hàng tồn kho	29,258,157,419	37,397,780,558
5	Tài sản ngắn hạn khác	10,549,936,892	11,477,671,924
II	Tài sản dài hạn	135,216,233,436	134,901,933,373
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định		
	- Tài sản cố định hữu hình	25,300,666,082	26,198,196,038
	- Tài sản cố định vô hình	3,289,790,453	3,348,376,052
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	58,608,355,907	57,901,729,493
3	Bất động sản đầu tư	38,918,349,489	39,210,616,551
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5,800,000,000	5,800,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	3,299,071,505	2,443,015,239
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	453,157,581,308	422,644,707,360
IV	Nợ phải trả	294,459,073,342	273,839,989,943
1	Nợ ngắn hạn	276,944,562,906	256,795,024,672
2	Nợ dài hạn	17,514,510,436	17,044,965,271
V	Vốn chủ sở hữu	157,004,969,134	147,420,237,524
1	Vốn chủ sở hữu	154,842,868,930	145,122,657,320
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	64,657,150,000	64,657,150,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	48,157,425,000	48,157,425,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ	(909,515,400)	(909,515,400)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	13,076,699,095	13,076,699,095
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	29,861,110,235	20,140,898,625
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	2,162,100,204	2,297,580,204
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,162,100,204	2,297,580,204
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	1,693,538,832	1,384,479,893
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	453,157,581,308	422,644,707,360

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Stt	Chỉ Tiêu	Quý 3/2009	Lũy kế từ đầu năm
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	79,828,490,062	226,135,499,225
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	79,828,490,062	226,135,499,225
4	Giá vốn hàng bán	66,972,223,625	193,791,380,615
5	LN gộp về bán hàng & CC dịch vụ	12,856,266,437	32,344,118,610
6	Doanh thu hoạt động tài chính	420,229,439	2,066,614,696
7	Chi phí tài chính	328,653,980	1,252,262,938
8	Chi phí bán hàng	275,731,355	550,257,272
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,562,226,043	5,902,963,142
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10,109,884,498	26,705,249,954
11	Thu nhập khác	608,013,598	1,399,986,936
12	Chi phí khác	361,049,483	454,684,899
13	Lợi nhuận khác	246,964,115	945,302,037
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,356,848,613	27,650,551,991
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,770,445,607	7,101,854,436
16	LN sau thuế TNDN	7,586,403,006	20,548,697,555
16.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	(208,838,610)	(194,368,979)
16.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	7,795,241,616	20,743,066,534
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

III CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Cơ cấu tài sản (%)		
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	30%	32%
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	70%	68%
2	Cơ cấu nguồn vốn (%)		
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	64.98%	64.79%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	34.65%	34.88%
3	Khả năng thanh toán (lần)		
	Khả năng thanh toán nhanh	0.08	0.09
	Khả năng thanh toán hiện hành	1.15	1.12
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	2%	1%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	10%	8%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	5%	4%